

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : 587/BC-UBND

Phú Quốc, ngày 03 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

**Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2020, điều chỉnh
dự toán ngân sách năm 2020 và xây dựng, phân bổ dự toán ngân sách
năm 2021**

Kính gửi : - Hội đồng nhân dân huyện;
- Các phòng, ban, ngành của huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ
hướng dẫn Luật Ngân sách Nhà nước;

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo công khai tình hình ước thực hiện nhiệm
vụ ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2020 và dự toán năm 2021 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2020

Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và tài chính ngân sách nhà nước năm 2020 được triển khai trong bối cảnh huyện có nhiều điều kiện thuận lợi, song cũng phát sinh không ít khó khăn, thách thức. Dự kiến nhiều chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu đều ước đạt và vượt kế hoạch đề ra; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; các lĩnh vực lao động, việc làm, an sinh xã hội được quan tâm thực hiện và đạt kết quả nhất định. Tuy nhiên, tình hình cũng đối mặt nhiều khó khăn, thách thức với tăng trưởng chậm lại của một số lĩnh vực; biến đổi khí hậu, thiên tai, đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp khó lường, tình hình kinh doanh bất động sản tăng trưởng chậm lại; giải ngân vốn xây dựng cơ bản chậm so yêu cầu,... tác động không thuận đến việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và ngân sách nhà nước năm 2020.

Với sự nỗ lực, quyết tâm của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp, nhân dân trong huyện, các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020 đã được triển khai tích cực và đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện trên nhiều lĩnh vực.

Trên cơ sở thực hiện 10 tháng đầu năm, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Hội đồng nhân dân huyện về tình hình ước thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2020 như sau:

I. VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Dự toán thu trên địa bàn 4.460 tỷ đồng, trong đó số do Cục thuế thu 2.000 tỷ đồng; số phân cấp huyện quản lý 2.460 tỷ đồng (bao gồm thu tiền sử dụng đất 500 tỷ đồng; thu tiền thuê đất 500 tỷ đồng và thu nội địa trừ tiền đất 1.460 tỷ đồng).

Thực hiện 10 tháng thu trên địa bàn 4.867 tỷ đồng, đạt 109,13% dự toán. Thu phân cấp huyện quản lý 2.842 tỷ, đạt 115,53% dự toán, bằng 73,9% so với cùng kỳ.

Ước thu trên địa bàn năm 2020 là 5.398 tỷ đồng, đạt 121,05% dự toán, trong đó số do Cục thuế thu 1.867 tỷ đồng, số thu thuế xuất nhập khẩu 160 tỷ đồng, số do huyện thu 3.357 tỷ đồng, thu đóng góp 15 tỷ đồng.

Ước thu phân cấp huyện quản lý năm 2020 là 3.372 tỷ đồng, đạt 137,07% dự toán, tăng 1,85% so cùng kỳ, trong đó thu tiền sử dụng đất 1.000 tỷ đồng, đạt 200% dự toán, tăng 27,27% so với cùng kỳ; thu tiền thuê đất 1.280 tỷ đồng, đạt 256% dự toán, tăng 33,62% so cùng kỳ; Thu nội địa trừ tiền đất 1.076 tỷ đồng, đạt 73,76% dự toán, bằng 87,25% so với cùng kỳ.

Có 5/16 khu vực, sắc thuế đạt và vượt so với dự toán, số vượt thu tuyệt đối là 1.286,6 tỷ đồng, trong đó:

- *Thuế bảo vệ môi trường:* thực hiện 10 tháng 123 tỷ đồng, ước cả năm 165 tỷ đồng, đạt 103,13% dự toán, tăng 42,31% so thực hiện năm 2019. Nguyên nhân là do nguồn thu này phát sinh từ việc cung cấp nhiên liệu bay cho ngành hàng không của CN Cty TNHH MTV Nhiên Liệu Hàng Không Việt Nam và CN Cty CP Tập đoàn Dương Đông tại Phú Quốc.

- *Tiền sử dụng đất:* thực hiện 10 tháng 992 tỷ đồng, ước cả năm 1.000 tỷ đồng, đạt 200% dự toán, tăng 27,27% so thực hiện năm 2019. Nguyên nhân là do phát sinh số nộp lớn từ Cty TNHH Mặt Trời Phú Quốc 450 tỷ đồng và Cty CP Đầu tư Hưng Phát Phú Quốc 390 tỷ đồng.

- *Tiền thuê đất:* thực hiện 10 tháng 1.052 tỷ đồng, ước cả năm 1.280 tỷ đồng, đạt 256% dự toán, tăng 33,62% so thực hiện năm 2019. Nguyên nhân là do có phát sinh số nộp lớn từ Cty CP Toàn Hải Vân là 916,9 tỷ đồng (ghi thu 354,2 tỷ đồng).

- *Thu cấp quyền khai thác khoáng sản:* thực hiện 10 tháng 1,7 tỷ đồng, ước cả năm 2 tỷ đồng, đạt 400% dự toán, tăng 497% so thực hiện năm 2019. Nguyên nhân là do phát sinh số nộp lớn từ thu nợ những năm trước của DNTN Loan Phát 1,4 tỷ đồng.

- *Các khoản huy động đóng góp:* thực hiện 10 tháng 14 tỷ đồng, ước cả năm 15 tỷ đồng, bằng 67,3% so thực hiện năm 2019.

Còn 11/16 khu vực, sắc thuế không đạt dự toán, số hụt thu tuyệt đối là 389,6 tỷ đồng, trong đó:

- *Thu từ DNNN Trung ương*: thực hiện 10 tháng 31 tỷ đồng, ước cả năm 48 tỷ đồng, đạt 80% dự toán, bằng 92,45% so với thực hiện năm 2019. Nguyên nhân là do nguồn thu này chủ yếu từ 02 đơn vị: Cảng Hàng Không Quốc Tế Phú Quốc - CN Tổng Cty Cảng Hàng Không Việt Nam, CN Cty TNHH MTV Nhiên Liệu Hàng Không Việt Nam (chiếm tỷ trọng 75% dự toán) và các Chi nhánh Ngân hàng Thương mại. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch, thực hiện cách ly toàn xã hội, tạm ngưng các chuyến bay quốc tế và quốc nội nên tác động rất lớn đến ngành hàng không (thu 10 tháng đạt 51,77% dự toán); đồng thời các ngân hàng thực hiện chính sách giãn nợ, giảm lãi để hỗ trợ khách hàng nên số thu từ nguồn này giảm.

- *Thu từ DNNN địa phương*: thực hiện 10 tháng 8,2 tỷ đồng, ước cả năm 9,1 tỷ đồng, đạt 70% dự toán, bằng 79,3% so thực hiện năm 2019. Nguyên nhân là do Nguồn thu này chủ yếu từ xây dựng vãng lai ngoại tỉnh và một số cơ sở dịch vụ lưu trú (chiếm tỷ trọng 67% dự toán), ảnh hưởng giảm do nguồn vốn xây dựng cơ bản từ ngân sách chưa được giải ngân kịp thời, đồng thời do lượng khách du lịch giảm mạnh nên ảnh hưởng đến nguồn thu (thu 10 tháng đạt 63,73% dự toán).

- *Thu từ DNNN có vốn đầu tư nước ngoài*: thực hiện 10 tháng 13,6 tỷ đồng, ước cả năm 18,9 tỷ đồng, đạt 70% dự toán, bằng 80,65% so thực hiện năm 2019. Nguyên nhân là do nguồn thu này chủ yếu từ một số Công ty và đơn vị nộp hộ thuế nhà thầu nước ngoài kinh doanh dịch vụ lưu trú, phục vụ chủ yếu khách nước ngoài (chiếm tỷ trọng 72,2% dự toán). Tuy nhiên, việc tạm ngưng các chuyến bay quốc tế đã ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu này (thu 10 tháng đạt 50,41% dự toán).

- *Thuế công thương nghiệp*: thực hiện 10 tháng 320,9 tỷ đồng, ước cả năm 480 tỷ đồng, đạt 67,61% dự toán, bằng 86,53% so thực hiện năm 2019. Nguyên nhân là do nguồn thu này chủ yếu từ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cá nhân kinh doanh ngành nghề dịch vụ du lịch trên địa bàn và thu từ xây dựng vãng lai ngoại tỉnh. Do ảnh hưởng của 02 đợt dịch tác động lên ngành du lịch dẫn đến các doanh nghiệp, chi nhánh kinh doanh phải tạm ngưng kinh doanh, tác động giảm thu 01 quý khoảng 177 tỷ đồng. Thu xây dựng vãng lai ngoại tỉnh dự kiến cả năm thu từ nguồn này là 36 tỷ đồng, bằng 38,3% so với cùng kỳ năm 2019 (94 tỷ đồng). Hụt thu từ nguồn này là khoảng 58 tỷ đồng. Trong đó:

+ *Thuế thu nhập doanh nghiệp*: thực hiện 10 tháng 42 tỷ đồng, ước cả năm 65 tỷ đồng, đạt 65% dự toán, bằng 87,84% so thực hiện năm 2019.

+ *Thuế tài nguyên*: thực hiện 10 tháng 0,547 tỷ đồng, ước cả năm 1 tỷ đồng, đạt 34,48% dự toán, bằng 55,49% so thực hiện năm 2019.

+ *Thuế giá trị gia tăng*: thực hiện 10 tháng 275,6 tỷ đồng, ước cả năm 410,1 tỷ đồng, đạt 68,09% dự toán, bằng 86,35% so thực hiện năm 2019.

+ *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: thực hiện 10 tháng 2,6 tỷ đồng, ước cả năm 3,9 tỷ đồng, đạt 81,25% dự toán, bằng 98,46% so thực hiện năm 2019.

- *Lệ phí trước bạ*: thực hiện 10 tháng 64,7 tỷ đồng, ước cả năm 81 tỷ đồng, đạt 57,45% dự toán, bằng 66,62% so thực hiện năm 2019. Nguyên nhân

do đây là khoản thu theo từng lần phát sinh, có phát sinh việc chuyển nhượng hoặc sắm mới tài sản thuộc đối tượng nộp lệ phí trước bạ mới thu được. Hụt thu lớn từ nguồn đăng ký quyền sử dụng, sở hữu tài sản trên đất của các dự án trên địa bàn huyện (khoảng 30 tỷ), đồng thời do ảnh hưởng của Covid-19 và thực hiện Nghị định số 70/2020/NĐ-CP nên đã ảnh hưởng giảm nguồn thu (khoảng 29 tỷ đồng). Tình hình chuyển nhượng đất trong dân giảm mạnh, làm giảm thu nhập của người dân, từ đó các khoản thu lệ phí trước bạ đất và tài sản khác giảm theo.

- *Thuế thu nhập cá nhân*: thực hiện 10 tháng 132,2 tỷ đồng, ước cả năm 160 tỷ đồng, đạt 77,29% dự toán, bằng 96,61% so thực hiện năm 2019. Nguyên nhân là do nguồn thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thừa kế,...(chiếm tỷ trọng 41% dự toán) chỉ thu được khoảng 65 tỷ đồng, đạt 76,6% dự toán; đây là nguồn thu không ổn định, phụ thuộc hoàn toàn vào thị trường kinh doanh bất động sản. Đồng thời, nguồn thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công (chiếm tỷ trọng 38% dự toán), chỉ thu được khoảng 61 tỷ đồng, đạt 77,2% dự toán. Do tác động của dịch Covid-19 và Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 nên ảnh hưởng giảm nguồn thu.

- *Thu phí, lệ phí*: thực hiện 10 tháng 12,7 tỷ đồng, ước cả năm 17,5 tỷ đồng, đạt 83,33% dự toán, bằng 90,76% so thực hiện năm 2019. Do thực hiện chính sách mới về miễn, giảm lệ phí môn bài theo Nghị định số 22/2020/NĐ-CP nên giảm nguồn thu (khoảng 03 tỷ đồng). Do tình hình chuyển nhượng đất trong dân giảm mạnh, làm giảm thu nhập của người dân, làm tác động giảm ở các khoản thu phí công chứng và phí đăng kiểm xe.

- *Thu khác* : thực hiện 10 tháng 73,2 tỷ đồng, ước cả năm 95,4 tỷ đồng, đạt 79,17% dự toán, bằng 64,58% so thực hiện năm 2019. Nguyên nhân do nguồn thu này phát sinh chủ yếu từ tiền phạt chậm nộp từ tiền thuê đất và tiền sử dụng đất, năm 2020 phát sinh ít nên giảm nguồn thu.

Nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả thu:

- *Về kinh tế, xã hội*: tình hình dịch bệnh Covid-19 (đợt 1 và đợt 2) diễn biến phức tạp dẫn đến tình hình kinh tế 10 tháng đầu năm 2020 của huyện giảm mạnh, đa số các ngành, chỉ tiêu kinh tế đều giảm so với cùng kỳ, đặc biệt tác động trực tiếp đến ngành du lịch của huyện. Thương mại - du lịch và dịch vụ lũy kế 10 tháng 28.546 tỷ đồng, đạt 57,09% kế hoạch, giảm 19,62% so với cùng kỳ; trong đó thu hút được 837.265 lượt khách, đạt 27,91% kế hoạch, giảm 63,71% so với cùng kỳ; Sản xuất công nghiệp được 4.127 tỷ đồng, đạt 58,26% kế hoạch, giảm 19,78% so với cùng kỳ; Khai thác, nuôi trồng thủy sản được 3.476 tỷ đồng, đạt 83,76% kế hoạch, tăng 23,94% so với cùng kỳ. Song song đó, tình hình doanh nghiệp còn giải thể nhiều; việc chuyển nhượng đất đai trên địa bàn chững lại, nhiều dự án đầu tư lớn tiến độ triển khai chưa kịp thời; tình hình khô hạn, thiếu nước sinh hoạt ở một số khu vực đã ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, kinh doanh của người dân, từ đó ảnh hưởng đến tình hình thu NSNN trên địa bàn huyện.

- *Về cơ chế, chính sách*: Tình hình thu NSNN 10 tháng đầu năm giảm là do bị ảnh hưởng bởi áp dụng các quy định mới nhằm hạn chế đồ uống có cồn

khi tham gia giao thông theo Nghị định số 100/2019/NĐ-CP; miễn, giảm lệ phí môn bài theo Nghị định số 22/2020/NĐ-CP; gia hạn thời hạn nộp tiền thuế và tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP; điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân theo Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14; các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP; giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị định số 70/2020/NĐ-CP; giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 theo Nghị quyết số 116/2020/QH14; giảm 30% thuế bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 979/2020/UBTVQH14; giảm 15% tiền thuê đất của năm 2020 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg;...

II. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành chi ngân sách nhà nước

Triển khai các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, ngay từ đầu năm các phòng, ban huyện và các xã, thị trấn đã tổ chức triển khai thực hiện dự toán chi NSNN năm 2020, trong đó tập trung phân bổ dự toán chi ngân sách được giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo thời gian theo quy định; rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi, không bố trí cho các nhiệm vụ chi chưa thật sự cấp thiết, triệt để tiết kiệm, hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, mua sắm, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; duy trì thường xuyên việc kiểm tra thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, kịp thời phát hiện để chấn chỉnh hoặc xử lý các sai phạm. Chủ động bố trí các nhiệm vụ chi gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, phân đầu tăng các nguồn thu theo quy định để dành nguồn đảm bảo nhu cầu kinh phí tăng thêm khi thực hiện điều chỉnh tăng tiền lương cơ sở. Chủ động điều hành chi ngân sách theo dự toán và khả năng thu ngân sách địa phương; đảm bảo cân đối ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ở một số lĩnh vực chi NSNN

Dự toán chi ngân sách huyện giao đầu năm 2020 là 1.552 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển 640,915 tỷ đồng, chi thường xuyên 714,316 tỷ đồng, chi thực hiện cải cách tiền lương 146,766 tỷ đồng, chi khen thưởng 2 tỷ đồng; chi dự phòng 8,833 tỷ, chi bổ sung ngân sách xã 39,641 tỷ.

Dự toán chi ngân sách Huyện năm 2020 điều chỉnh là 2.850 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển 1.952 tỷ, chi thường xuyên 658,692 tỷ, chi thực hiện cải cách tiền lương 181,119 tỷ đồng, chi dự phòng 8,833 tỷ, chi bổ sung ngân sách xã 46,806 tỷ, chi khen thưởng 2 tỷ.

Tổng chi ngân sách huyện 10 tháng 1.060 tỷ, ước cả năm 1.909 tỷ, đạt 123% dự toán đầu năm, đạt 67,01% dự toán điều chỉnh, bằng 82,79% so với thực hiện năm 2019. Cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển 10 tháng 579 tỷ, ước cả năm 1.067 tỷ, đạt 166% dự toán đầu năm, đạt 54,67% so với dự toán điều chỉnh, bằng 84,04% so với cùng

kỳ. Trong đó ước cả năm vốn tỉnh phân cấp 59,8 tỷ, đạt 93,72% so với dự toán điều chỉnh, vốn huyện 1.007 tỷ, đạt 157% so với dự toán đầu năm, đạt 55,69% so với dự toán điều chỉnh (ghi thu ghi chi từ dự án 377 tỷ).

- Chi thường xuyên 10 tháng 322 tỷ, ước cả năm 629 tỷ, đạt 88,11% dự toán đầu năm, đạt 95,55% so với dự toán điều chỉnh. Trong đó chi sự nghiệp giáo dục 179,7 tỷ đồng, chiếm 28,57% chi thường xuyên; chi sự nghiệp y tế 26,8 tỷ, chiếm 4,27% chi thường xuyên; chi quản lý hành chính 48,9 tỷ, chiếm 7,77% chi thường xuyên; chi sự nghiệp kinh tế 293 tỷ, chiếm 46,6% chi thường xuyên; chi sự nghiệp môi trường 39 tỷ, chiếm 6,2% chi thường xuyên; chi bảo hiểm y tế xã đảo 81,115 tỷ, chiếm 12,8% chi thường xuyên;...

- Chi dự phòng thực hiện 8,833 tỷ đồng. Chủ yếu chi cho các nhiệm vụ cấp bách, phát sinh ngoài dự toán như chi công tác phòng chống cháy rừng, dịch bệnh, diễn tập cứu nạn, cứu hộ, đại hội đoàn thể, huấn luyện tuyên quân...

- Chi trợ cấp ngân sách xã 46,8 tỷ.

- Chi thực hiện cải cách tiền lương 133,3 tỷ.

III. CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

1. Ước tổng thu NS huyện được sử dụng : 3.051,608 tỷ đồng.

Trong đó:

+ Thu điều tiết NSH được hưởng ước cả năm : 1.433,590 tỷ đồng.

+ Thu trợ cấp cân đối ổn định : 39,641 tỷ đồng.

+ Thu từ nguồn vốn đầu tư XD CB Tỉnh : 63,809 tỷ đồng.

+ Thu chuyển nguồn năm trước sang : 510,414 tỷ đồng.

+ Thu kết dư năm 2018 : 1.004,154 tỷ đồng.

2. Ước tổng chi NS huyện : 1.909,759 tỷ đồng.

3. Ước tồn quỹ cuối năm : 1.141,849 tỷ đồng.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU CHI NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN 2020

1. Tổng thu NS xã, thị trấn sử dụng : 213,948 tỷ đồng.

Trong đó:

- Thu được hưởng điều tiết : 17,489 tỷ đồng.

- Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên : 66,882 tỷ đồng.

- Thu chuyển nguồn từ năm trước : 56,611 tỷ đồng.

- Thu đóng góp : 7,147 tỷ đồng.

- Thu kết dư năm 2019 : 65,818 tỷ đồng.

2. Tổng chi NS xã, thị trấn : 95,292 tỷ đồng.

3. Tồn quỹ : 118,666 tỷ đồng.

V. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ HỤT THU DO ẢNH HƯỞNG DỊCH COVID-19

Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, nhu cầu tiêu dùng của địa phương, từ đó tác động đến số thu NSNN

năm 2020. Ước cả năm 2020, thu cân đối ngân sách huyện được hưởng là 1.433,590 tỷ đồng, không tính tiền đất, thu đóng góp, ghi thu ghi chi thì thu nội địa huyện được hưởng là 441,590 tỷ đồng, hụt thu 185,016 tỷ đồng so với tình giao (cả tỉnh hụt thu hơn 632,3 tỷ đồng). Để đảm bảo cân đối ngân sách năm 2020 trong điều kiện số hụt thu cân đối như dự kiến nêu trên và đảm bảo kế hoạch chi đầu tư công không giảm. Ủy ban nhân dân huyện đề xuất nguồn để xử lý hụt thu trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết nghị cụ thể như sau: giảm chi tạo nguồn cải cách tiền lương 63,427 tỷ đồng (số này do tỉnh giao đầu năm 2020); giảm dự toán chi thường xuyên của huyện 22,530 tỷ đồng, giảm dự toán chi cải cách tiền lương 47,755 tỷ đồng, số hụt thu còn lại sử dụng số kết dư năm 2019 của huyện để bù đắp.

VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÂN ĐÁU HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2020

1. Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ phòng chống dịch Covid-19, xem đây vừa là nhiệm vụ trọng tâm vừa là cơ hội để phục hồi mạnh mẽ các ngành kinh tế quan trọng của huyện như dịch vụ, du lịch và thương mại.

2. Phân đấu hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu NSNN năm 2020. Tăng cường công tác quản lý thu, đẩy mạnh chống thất thu, trốn thuế, chú trọng đôn đốc thu hồi nợ.

3. Điều hành chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, trong phạm vi dự toán được giao; tiếp tục cắt giảm các khoản chi thường xuyên chưa cấp thiết, đặc biệt là các khoản chi mua sắm.

4. Các xã, thị trấn chủ động đảm bảo nguồn ngân sách địa phương và sử dụng nguồn ngân sách cấp trên bổ sung để thực hiện chính sách an sinh xã hội đã ban hành; tránh tình trạng chậm, muộn, nợ chính sách trên địa bàn.

5. Trường hợp số thu ngân sách địa phương dự kiến giảm so với dự toán thì phải chủ động xây dựng phương án điều hành, sử dụng dự phòng và các nguồn tài chính của địa phương, đồng thời rà soát, cắt, giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa thật cần thiết để ưu tiên nguồn lực cho công tác phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thực hiện các chính sách, chế độ liên quan đến con người, an sinh xã hội.

PHẦN THỨ HAI

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

- Dự toán chi ngân sách Huyện đầu năm:	1.552,472 tỷ đồng
- Dự toán chi điều chỉnh giữa năm:	2.850,151 tỷ đồng
- Dự toán chi điều chỉnh cuối năm:	1.916,552 tỷ đồng
- Số chênh lệch (3-2):	-933,599 tỷ đồng

Cụ thể tăng, giảm trên từng lĩnh vực như sau :

I – CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN: giảm 885,194 tỷ đồng. Trong đó:

1 – Nguồn vốn Trung ương và vốn tỉnh phân cấp giảm 83,298 tỷ đồng theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, để điều chuyển vốn cho công trình khác.

2 – Nguồn vốn huyện giảm 801,986 tỷ đồng, điều chỉnh giảm ghi thu ghi chi tiền đất do chưa đủ thủ tục để thực hiện trong năm 2020 và giảm nguồn tăng thu.

II – CHI THƯỜNG XUYÊN: giảm 22,530 tỷ đồng. Trong đó:

1 - **Chi sự nghiệp kinh tế:** tăng 8,178 tỷ đồng, do chuyển 9 tỷ đồng chi ủy thác ngân hàng chính sách từ nguồn cải cách tiền lương sang và giảm gần 900 triệu một số nội dung chi sự nghiệp kinh tế.

2 - **Chi trợ giá trợ cước:** giảm 2,5 tỷ đồng.

3 - **Chi sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo :** giảm 1,247 tỷ đồng, do kinh phí đào tạo mở lớp trong năm 2020 giảm và kinh phí lớp cao cấp lý luận chính trị mở tại Phú Quốc chưa thực hiện chi kịp trong năm 2020.

4 - **Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình:** giảm 20,212 tỷ đồng, do các khoản chi mua sắm đề phòng dịch Covid-19 chưa quyết toán kịp trong năm 2020 và kinh phí giường bệnh tăng thêm tỉnh chưa giao bổ sung nhiệm vụ chi.

5 - **Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin:** giảm 179 triệu đồng.

6 - **Chi quản lý hành chính:** giảm 6,916 tỷ đồng, do tiết kiệm chi theo định mức.

7 - **Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội:** giảm 1,479 tỷ đồng.

8 - **Chi hoàn trả các khoản thu năm trước:** tăng 1,825 tỷ đồng.

9 - **Chi thực hiện cải cách tiền lương:** giảm 47,755 tỷ đồng, do trong năm 2020 không thực hiện tăng lương cơ sở, số chi bảo hiểm y tế xã đảo trong năm 2020 thấp hơn dự toán đầu năm và điều chỉnh chuyển 9 tỷ đồng chi ủy thác qua ngân hàng chính sách sang sự nghiệp kinh tế.

10 - **Chi chương trình mục tiêu:** tăng 21,880 tỷ đồng, do tăng chi chương trình mục tiêu do tỉnh cấp bổ sung trong năm 2020.

PHẦN THỨ BA

XÂY DỰNG VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN NSNN NĂM 2021

Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023;

Thực hiện Công văn số 1769/STC-NS ngày 25/9/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

UBND huyện xây dựng và phân bổ dự toán ngân sách năm 2021 như sau:

I. DỰ TOÁN THU NỘI ĐỊA NĂM 2021

1. Tổng hợp chung

Dự toán thu phân cấp huyện quản lý năm 2021 là 3.400 tỷ đồng, tăng 38,21% so với dự toán 2020, tăng 0,83% so với thực hiện năm 2020. Trong đó số thu nội địa không kể tiền đất là 1.286 tỷ đồng, bằng 88,08% so với dự toán 2020, tăng 19,41% so với thực hiện năm 2020. Số thu tiền sử dụng đất 774 tỷ đồng, tăng 54,8% so với dự toán 2020, bằng 77,4% so với thực hiện năm 2020.

Dự toán thu huyện được hưởng năm 2021 là 1.635 tỷ đồng, tăng 76,46% so với dự toán 2020, tăng 14,06% so với thực hiện năm 2020. Số thu nội địa không kể tiền đất huyện hưởng là 570,7 tỷ đồng, bằng 91,08% so với dự toán 2020, tăng 29,24% so với thực hiện năm 2020. Số thu tiền sử dụng đất huyện hưởng 464,4 tỷ đồng, tăng 54,8% so với dự toán 2020, bằng 77,4% so với thực hiện năm 2020.

2. Dự toán thu theo khoản thu, sắc thuế

2.1. Thu từ khu vực DNNN trung ương: Dự toán thu 60 tỷ đồng, tăng 25% so ước thu năm 2020.

2.2. Thu từ khu vực DNNN địa phương: Dự toán thu 10 tỷ đồng, tăng 9,89% so ước thu năm 2020.

2.3. Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN: Dự toán thu 23 tỷ đồng, tăng 21,69% so ước thu năm 2020.

2.4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Dự toán thu 570 tỷ đồng, tăng 18,75% so ước thu năm 2020.

+ **Thuế thu nhập doanh nghiệp:** Dự toán thu 75 tỷ đồng, tăng 15,38% so ước thu năm 2020.

+ **Thuế tài nguyên:** Dự toán thu 1 tỷ đồng, bằng ước thu năm 2020.

+ **Thuế giá trị gia tăng:** Dự toán thu 490 tỷ đồng, tăng 19,48% so ước thu năm 2020.

+ **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Dự toán thu 4 tỷ đồng, tăng 2,56% so ước thu năm 2020.

2.5. Thu thuế thu nhập cá nhân: Dự toán thu 175 tỷ đồng, tăng 9,38% so ước thu năm 2020.

2.6. Thu thuế bảo vệ môi trường: Dự toán thu 190 tỷ đồng, tăng 15,15% so ước thu năm 2020.

2.7. Lệ phí trước bạ: Dự toán thu 90 tỷ đồng, tăng 11,11% so ước thu năm 2020.

2.8. Phí, lệ phí: Dự toán thu 20 tỷ đồng, tăng 14,29% so ước thu năm 2020.

2.9. Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: Dự toán thu 1.340 tỷ đồng, bằng 12,5% so ước thu năm 2020.

2.10. Thu tiền sử dụng đất: Dự toán thu 774 tỷ đồng, bằng 77,4% so ước thu năm 2020.

2.11. Thu tiền CQKT Tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước: Dự toán thu 500 triệu đồng, bằng 25% so ước thu năm 2020.

2.12. Thu khác ngân sách: Dự toán thu 147,5 tỷ đồng, tăng 54,61% so ước thu năm 2020.

II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

1. Theo dự toán Tỉnh dự kiến giao

Dự toán chi ngân sách Huyện năm 2021 được tỉnh giao 1.074,741 tỷ đồng, bằng 119,36% so dự toán tỉnh giao năm 2020, tương đương 56,28% so ước thực hiện năm 2020. Cụ thể :

- Chi đầu tư phát triển 464,4 tỷ đồng, bằng 154,8% so với dự toán tỉnh giao năm 2020, tương đương 45,36% so ước thực hiện năm 2020.
- Chi thường xuyên 391,857 tỷ đồng, bằng 132,18% so với dự toán tỉnh giao 2020, tương đương 62,26% so ước thực hiện năm 2020.
- Chi dự phòng ngân sách 10,151 tỷ đồng, tăng 14,92% so với dự toán 2020.
- Chi chương trình mục tiêu 208,333 tỷ đồng.

2. Dự toán theo dự kiến từ ngân sách huyện

Dự toán chi ngân sách Huyện năm 2021 trình Hội đồng nhân dân huyện 2.576,096 tỷ đồng, tăng thêm 1.501,355 tỷ so với dự toán tỉnh giao 2020, tăng 65,94% so dự toán huyện giao năm 2020, tăng 34,89% so ước thực hiện năm 2020, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển 1.527,39 tỷ đồng, tăng thêm 1.062,99 tỷ so với dự toán tỉnh giao 2020, tăng 138% so với dự toán huyện giao năm 2020, tăng 43,38% so ước thực hiện năm 2020.
- Tổng chi thường xuyên 1.048,706 tỷ đồng, tăng thêm 438,365 tỷ so với dự toán tỉnh giao 2020, tăng 15,05% so với dự toán huyện giao 2020, tăng 27,83% so ước thực hiện năm 2020. Trong đó chi sự nghiệp kinh tế 352 tỷ, chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo 181 tỷ, chi quản lý hành chính 43 tỷ, ...

III. CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN

* Tổng thu NS Huyện trên địa bàn : 3.400,000 tỷ.

* Tổng thu NS Huyện được sử dụng : 3.099,598 tỷ.

Trong đó:

- Thu tiền đất để lại đầu tư : 464,400 tỷ.
- Ghi thu ghi chi: 600,000 tỷ.
- Thu để lại chi thường xuyên: 570,700 tỷ.
- + Thu được điều tiết: 456,300 tỷ.
- + Thu được hưởng 100%: 114,400 tỷ.
- Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên: 39,641 tỷ.
- + Trợ cấp ngân sách xã: 39,641 tỷ.
- Thu kết dư năm 2019: 1.424,857 tỷ.

* Tổng chi ngân sách Huyện : 2.576,096 tỷ.

IV. THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021

- Tổng chi Huyện phân bổ tăng so với tỉnh giao 1.501,355 tỷ đồng, trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư phát triển: tăng 1.062,990 tỷ so với tỉnh giao, nguồn để bố trí tăng là lấy từ tiền chi bồi thường của các dự án của nhà đầu tư (nguồn này thực hiện ghi thu ghi chi để khấu trừ tiền đất cho nhà đầu tư 600 tỷ đồng) và lấy từ nguồn kết dư của huyện 462,990 tỷ đồng.

2. Tổng chi thường xuyên

Tổng chi thường xuyên tăng 438,365 tỷ so với tỉnh giao, nguồn để bố trí tăng là lấy từ kết dư ngân sách huyện năm 2019. Phần tăng để bố trí tăng chi cho sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kinh tế, chi bảo hiểm y tế xã đảo, ...

V. DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2021

* Tổng thu NS xã, thị trấn sử dụng : 67,376 tỷ đồng.

Trong đó:

- Thu được hưởng điều tiết	:	14,000 tỷ đồng.
- Thu được hưởng 100%	:	6,815 tỷ đồng.
- Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên	:	36,207 tỷ đồng.
- Thu bổ sung từ nguồn ngân sách xã	:	10,354 tỷ đồng.

* Tổng chi NS xã, thị trấn : 67,3676 tỷ đồng.

Trong đó:

- Chi lương và các khoản theo lương	:	44,353 tỷ đồng.
- Chi công việc	:	12,029 tỷ đồng.
- Tăng dự toán chi	:	8,165 tỷ đồng.
- Tăng chi từ nguồn của ngân sách xã	:	1,508 tỷ đồng.
- Chi dự phòng	:	1,321 tỷ đồng.

VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH NĂM 2021

1. Cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh trước hết là thủ tục hành chính để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan quản lý nhà nước và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp địa phương, phát huy các kết quả đạt được trong lĩnh vực thuế, hải quan, Kho bạc Nhà nước. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tronggiari quyết thủ tục hành chính, góp phần cắt giảm thời gian, chi phí và tăng tính công khai, minh bạch.

2. Ngay từ đầu năm, cơ quan Thuế chủ động trong phối hợp các ngành liên quan, các xã, thị trấn tổ chức triển khai ngay nhiệm vụ thu ngân sách năm 2021. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, trốn, lậu thuế, gian lận thuế, lợi dụng chính sách hoàn thuế.

3. Quản lý chi NSNN ngay từ khâu lập dự toán đến tổ chức thực hiện. Thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Hạn chế tổ chức hội nghị, hội thảo, công tác trong và ngoài nước, hoạt động mua sắm sửa chữa, ... để ưu tiên dành nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo các nhiệm vụ về an ninh – quốc phòng, phòng chống dịch bệnh, thiên tai và các dịch vụ quan trọng thiết yếu. Rà soát các vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Việc xây dựng, phân bổ và giao kế hoạch vốn phải phù hợp với khả năng thực hiện của từng nguồn vốn, từng dự án của từng đơn vị, địa phương đi đôi với tăng cường quản lý, tránh để thất thoát, lãng phí nguồn lực đầu tư công.

4. Thực hiện dành nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, theo đó ngoài cơ chế tạo nguồn đã thực hiện thì dành 70% đối với tăng thu thực hiện so với dự toán năm 2019 của ngân sách địa phương để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2020 và tích lũy cho giai đoạn 2021-2025. Dành 50% phần ngân sách nhà nước giảm chi thường xuyên trong lĩnh vực hành chính (do thực hiện tinh giản biên chế và đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn) và các đơn vị sự nghiệp công (do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công) bổ sung vào nguồn cải cách tiền lương để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở.

5. Trường hợp thu ngân sách địa phương dự kiến giảm so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao, các địa phương phải chủ động sử dụng các nguồn lực theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 122/2020/QH14 và nguồn cải cách tiền lương còn dư để xử lý cân đối ngân sách địa phương. Trường hợp sau khi sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp không bảo đảm bù đắp số giảm thu, phải thực hiện sắp xếp, cắt, giảm, giãn các nhiệm vụ chi đã bố trí dự toán năm 2021 sang năm sau.

6. Trên cơ sở số giao dự toán thu năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện, các cơ quan ban ngành cấp huyện, UBND các xã, thị trấn căn cứ khả năng và tình hình phát triển kinh tế địa phương, đơn vị mình phải dự toán toàn bộ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 của Luật NSNN năm 2015 và các quy định pháp luật có liên quan; phân đầu tăng thu một cách hiệu quả. Rà soát thủ tục việc chuyển đổi các khoản thu phí sang cơ chế giá dịch vụ theo Luật Phí và lệ phí.

7. Dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cần chi tiết theo các lĩnh vực chi phù hợp với quy định Luật NSNN, đồng thời bố trí ưu tiên dự án trả nợ, chuyển tiếp dự án hoàn thành trong năm 2020. Chú trọng đến việc bố trí vốn đẩy nhanh tiến độ thực hiện CTMTQG về xây dựng nông thôn mới; các dự án trọng tâm, trọng điểm cấp bách đến phát triển kinh tế xã hội địa phương; các dự án khu tái định cư.

8. Tiếp tục triển khai lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN. Các đơn vị sự nghiệp công lập cần tập trung nhiệm vụ rà soát, đối chiếu, kiểm kê tình hình quản lý sử dụng tài sản công và

xây dựng đề án sử dụng tài sản công để đề xuất cơ quan thẩm quyền phê duyệt theo quy định để tạo sự chủ động cho đơn vị sự nghiệp trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định pháp luật. Từng bước chuyển phương thức hỗ trợ trực tiếp của nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế đặt hàng.

Trên đây là Báo cáo công khai tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2020 và dự toán năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc./. *Phung*

Nơi nhận :

- TT.HĐND huyện;
- TT. UBND Huyện;
- Các cơ quan, ban ngành huyện;
- UBND các xã, TT;
- Cổng thông tin điện tử của huyện;
- LĐVP;
- Lưu : VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Quang Hưng



Biểu số 69/CK-NSNN
(TT 343/2016/TT-BTC)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Báo cáo số 587/BC-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Phú Quốc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2020	ƯTH NĂM 2020	Dự toán năm 2021	So sánh (1) (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	966.247	3.051.608	3.099.598	101,57
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	926.606	1.433.590	1.635.100	114,06
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	343.400	1.058.900	1.178.800	111,32
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	583.206	374.690	456.300	121,78
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	39.641	103.450	39.641	38,32
-	Thu bổ sung cân đối	39.641	39.641	39.641	100,00
-	Thu bổ sung có mục tiêu XDCB	-	63.809	-	-
-	Thu bổ sung có mục tiêu	-	-	-	-
III	Thu kết dư	-	1.004.154	1.424.857	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	510.414	-	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	2.850.151	1.909.759	2.576.096	90,38
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	2.850.151	1.887.879	2.576.096	90,38
1	Chi đầu tư phát triển	1.952.701	1.067.507	1.527.390	78,22
2	Chi thường xuyên	707.498	678.175	876.192	123,84
3	Dự phòng ngân sách	8.833	8.833	10.151	114,92
4	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	181.119	133.364	162.363	89,64
II	Chi các chương trình mục tiêu	-	21.880	-	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	21.880	-	-
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	-	-	

Ghi chú: (1) Đối với các chi tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chi tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành;



Biểu số 70/CK-NSNN
(TT 343/2016/TT-BTC)

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Kèm theo Báo cáo số

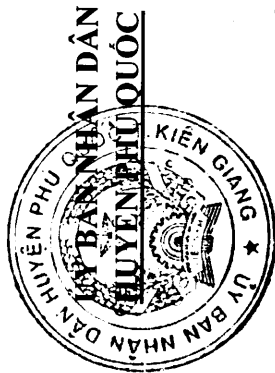
587

BC-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Phú Quốc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách	966.247	3.051.608	3.099.598	101,57
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	926.606	1.433.590	1.635.100	114,06
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	39.641	103.450	39.641	38,32
-	Thu bổ sung cân đối	39.641	39.641	39.641	100,00
-	Thu bổ sung có mục tiêu XDCB	-	63.809	-	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	-	-	-	
3	Thu kết dư	-	1.004.154	1.424.857	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	510.414	-	
II	Chi ngân sách	2.850.151	1.909.759	2.576.096	90,38
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	2.803.345	1.862.953	2.521.096	89,93
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	46.806	46.806	55.000	117,51
-	Chi bổ sung cân đối	-	-	39.641	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	-	-	15.359	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	-	-	
B	NGÂN SÁCH XÃ				
I	Nguồn thu ngân sách	72.579	213.948	67.376	31,49
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	23.821	24.636	20.815	84,49
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	36.204	66.882	36.207	54,14
-	Thu bổ sung cân đối	36.204	-	36.207	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	-	-	-	
3	Thu kết dư	12.554	65.818	10.354	15,73
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	56.611	-	0,00
II	Chi ngân sách	68.128	95.292	67.376	98,90

Ghi chú: (1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành;



Biểu số 71/CK-NSNN
(TT 343/2016/TT-BTC)

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Báo cáo số 587 /BC-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Phú Quốc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2020		Dự toán năm 2021		So sánh (%)	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP	TỔNG THU NSNN	THU NSDP	TỔNG THU NSNN	THU NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
I	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	5.398.862	3.372.000	3.400.000	3.400.000	62,98	100,83
	Thu nội địa	3.372.000	3.372.000	3.400.000	3.400.000	100,83	100,83
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	48.000	48.000	60.000	60.000	125,00	125,00
	- Thuế giá trị gia tăng	47.950	47.950	60.000	60.000	125,13	125,13
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	50	50	-	-	-	-
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	9.100	9.100	10.000	10.000	109,89	109,89
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.050	2.050	2.250	2.250	109,76	109,76
	- Thuế giá trị gia tăng	7.000	7.000	7.700	7.700	110,00	110,00
	- Thuế tài nguyên	50	50	50	50	100,00	100,00
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	18.900	18.900	23.000	23.000	121,69	121,69
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.500	5.500	6.400	6.400	116,36	116,36
	- Thuế giá trị gia tăng	12.900	12.900	16.000	16.000	124,03	124,03
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	500	500	600	600	120,00	120,00
	- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	480.000	480.000	570.000	570.000	118,75	118,75
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.000	65.000	75.000	75.000	115,38	115,38
	- Thuế tài nguyên	1.000	1.000	1.000	1.000	100,00	100,00
	- Thuế giá trị gia tăng	410.100	410.100	490.000	490.000	119,48	119,48
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.900	3.900	4.000	4.000	102,56	102,56

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2020		Dự toán năm 2021		So sánh (%)	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP	TỔNG THU NSNN	THU NSDP	TỔNG THU NSNN	THU NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
5	Thuế thu nhập cá nhân	160.000	160.000	175.000	175.000	109,38	109,38
6	Thuế bảo vệ môi trường	165.000	165.000	190.000	190.000	115,15	115,15
7	Lệ phí trước bạ	81.000	81.000	90.000	90.000	111,11	111,11
8	Thu phí, lệ phí	17.500	17.500	20.000	20.000	114,29	114,29
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	100	-	-		
11	Tiền cho thuê đất, thuế mặt nước	1.280.000	1.280.000	1.340.000	1.340.000	104,69	104,69
12	Thu tiền sử dụng đất	1.000.000	1.000.000	774.000	774.000	77,40	77,40
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-	-	-		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-	-	-	-		
	(chi tiết theo sắc thuế)	-		-			
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.000	2.000	500	500	25,00	25,00
16	Thu khác ngân sách	95.400	95.400	147.500	147.500	154,61	154,61
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	-	-	-	-		
18	Thu cổ định ngân sách xã	-	-	-	-		
19	Thu đóng góp	15.000	15.000	-	-	-	-
II	Thu viện trợ	-	-	-	-		
III	Thu thuế xuất nhập khẩu	160.000	-	-	-	-	-
II	Thu do Cục thuế thu	1.866.862	-	-	-	-	-
1	Khu vực DTNN			-	-		
2	Thu thuế công thương nghiệp NQD			-	-		
3	Thuế thu nhập cá nhân			-	-		
4	Thu tiền sử dụng đất			-	-		
5	Tiền thuê đất			-	-		
6	Phí, lệ phí			-	-		



Biểu số 72/CK-NSNN
(TT 343/2016/TT-BTC)

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Báo cáo số *S87* /BC-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện PQ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	2.643.472	2.576.096	67.376
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	2.643.472	2.576.096	67.376
I	Chi đầu tư phát triển	1.527.390	1.527.390	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	464.400	464.400	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	-		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	13.984	13.984	
-	Chi khoa học và công nghệ	-		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	-		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	464.400	464.400	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-		
2	Chi đầu tư phát triển khác	1.062.990	1.062.990	
II	Chi thường xuyên	885.247	819.192	66.055
	Trong đó:	-		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	181.007	181.007	
2	Chi khoa học và công nghệ	-		
III	Chi dự phòng ngân sách	11.472	10.151	1.321
IV	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	162.363	162.363	
V	Chi khen thưởng	2.000	2.000	-
VI	Chi trợ cấp ngân sách xã, thị trấn	55.000	55.000	-
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-		
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)	-		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-		
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu nhiệm vụ)	-		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-		



Biểu số 73/CK-NSNN
(TT 343/2016/TT-BTC)

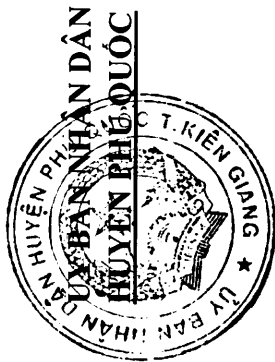
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Báo cáo số 587 /BC-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện PQ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	2.576.096
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	55.000
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	2.521.096
	Trong đó:	
I	Chi đầu tư phát triển	1.527.390
1	Chi đầu tư cho các dự án	464.400
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	13.984
1.2	Chi khoa học và công nghệ	-
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	-
1.4	Chi văn hóa thông tin	-
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
1.6	Chi thể dục thể thao	-
1.7	Chi bảo vệ môi trường	-
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	-
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	-
1.10	Chi bảo đảm xã hội	-
2	Chi đầu tư phát triển khác	1.062.990
II	Chi thường xuyên	819.192
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	181.007
2	Chi khoa học và công nghệ	-
3	Chi y tế, dân số và gia đình	47.999
4	Chi văn hóa thông tin	6.629
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	922
6	Chi thể dục thể thao	385
7	Chi bảo vệ môi trường	160.834
8	Chi các hoạt động kinh tế	352.388
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	43.959
10	Chi bảo đảm xã hội	1.429
11	Chi trợ giá trợ cước	10.000
12	Chi quốc phòng, an ninh trật tự	3.640
13	Chi khác	10.000
III	Dự phòng ngân sách	10.151
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	162.363
V	Chi khen thưởng	2.000
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-



Biểu số 74/CK-NSNN
(TT 343/2016/TT-BTC)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

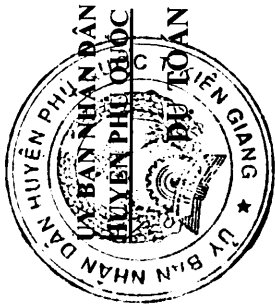
(Kèm theo Báo cáo số 587 /BC-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Phú Quốc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TỪ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	2.576.096	1.527.390	876.192	10.151	162.363	-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	331.210		331.210						
1	HUYỆN ỦY	11.552		11.552						
2	TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ	1.283		1.283						
3	VĂN PHÒNG HĐND-UBND HUYỆN	6.699		6.699						
4	PHÒNG TƯ PHÁP	643		643						
5	PHÒNG KINH TẾ	1.432		1.432						
6	PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH	2.573		2.573						
7	PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ	2.104		2.104						
8	PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	1.678		1.678						
9	PHÒNG TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	2.247		2.247						
10	PHÒNG VĂN HÓA THÔNG TIN	1.062		1.062						
11	PHÒNG NỘI VỤ	3.768		3.768						
12	PHÒNG LAO ĐỘNG TBXH	8.966		8.966						
13	THANH TRA HUYỆN	1.523		1.523						
14	PHÒNG Y TẾ	688		688						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TỪ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
15	ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC	1.713		1.713						
16	HUYỆN ĐOÀN	997		997						
17	HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ	1.483		1.483						
18	HỘI NÔNG DÂN	850		850						
19	NHÀ THIẾU NHI	490		490						
20	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN	30.661		30.661						
21	TRUNG TÂM VĂN HÓA THỂ THAO ĐL	7.117		7.117						
22	BỘ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	27.084		27.084						
23	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC (KHỎI TRƯỜNG)	190.206		190.206						
24	TRUNG TÂM GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG	-		-						
25	TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP- GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	2.084		2.084						
26	TRUNG TÂM DV& CHUYÊN GIAO KTN	-		-						
27	ĐỘI KIỂM TRA TRẬT TỰ ĐÔ THỊ	2.935		2.935						
28	TRÀM PHÁT ĐIỆN THỎ CHÁU	8.000		8.000						
29	BAN AN TOÀN GIAO THÔNG	500		500						
30	ĐỘI QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG SỐ 4	-		-						
31	BCH QUẢN SỰ HUYỆN	913		913						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TỪ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
32	CÔNG AN HUYỆN	959		959						
33	KHO BẠC NHÀ NƯỚC	-		-						
34	TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PQ	-		-						
35	VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HUYỆN PQ	-		-						
36	THI HÀNH ÁN PHÚ QUỐC	-		-						
37	ĐỘI CẢNH SÁT ĐẶC NHIỆM SỐ 2	-		-						
38	CẢNH SÁT BIỂN 4	-		-						
39	LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG HUYỆN PQ	-		-						
40	NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI PQ	9.000		9.000						
II	CHI NGÂN SÁCH QUẢN LÝ CHUNG CHƯA PHÂN BỐ (BAO GỒM CẢ TIẾT KIỆM CHI 10%)	489.982		489.982	-					
III	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	10.151			10.151					
IV	CHI TỪ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	162.363				162.363				
V	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	1.527.390	1.527.390							
VI	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	55.000		55.000						
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-								



Biểu số 75/CK-NSNN
(TT 343/2016/TT-BTC)

ĐẠI TƯỚNG CHI ĐÀU TỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

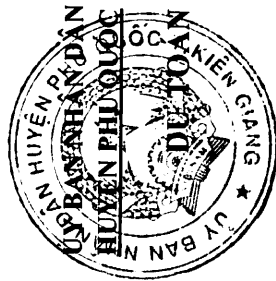
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Báo cáo số **SP7**

/BC-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Phú Quốc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN TÁN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ				
											CHI GIAO THÔNG	CHINH NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	TỔNG SỐ	1.527.390	13.984	-	-	-	-	-	-	1.062.990	428.980	-	21.436	-	
1	UBND huyện	1.062.990								1.062.990					
2	Phòng Tài chính Kế hoạch	-													
3	Phòng Quản lý đô thị	-													
4	BQL dự án ĐTXD huyện	464.400	13.984								428.980		21.436		



Biểu số 76/CK-NSNN
(TT 343/2016/TT-BTC)

CHI THUỜNG XUYỀN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Báo cáo số **587** /BC-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Phú Quốc)

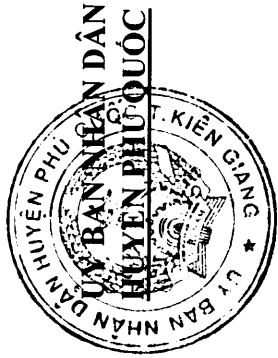
Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM NÀ HỘI
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI QUỐC PHÒNG AN NINH	CHI KHÁC NGÂN SÁCH		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	863.509	206.787	-	47.999	6.629	922	385	160.834	362.388	3.640	10.000	55.525	8.400
1	HUYỆN ỦY	11.552	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11.552	-
2	TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ	1.283	1.283	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	VĂN PHÒNG HDND-UBND HUYỆN	6.699	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.699	-
4	PHÒNG TƯ PHÁP	643	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	643	-
5	PHÒNG KINH TẾ	1.432	-	-	-	-	-	-	-	200	-	-	1.232	-
6	PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH	2.573	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-	2.073	-
7	PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ	63.625	-	-	-	-	-	-	-	61.921	-	-	1.704	-
8	PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	1.678	1.678	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	PHÒNG TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	2.247	-	-	-	-	-	-	938	-	-	-	1.309	-
10	PHÒNG VĂN HÓA THÔNG TIN	1.062	-	-	-	150	-	-	-	-	-	-	912	-
11	PHÒNG NỘI VỤ	3.768	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.768	-
12	PHÒNG LAO ĐỘNG TBXH	8.966	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.426	7.540

TRONG ĐÓ														
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỀ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TÂN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI QUỐC PHONG AN NINH	CHI KHÁC NGÂN SÁCH	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO DÂM XÃ HỘI
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
13	THANH TRA HUYỆN	1.523	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.523	-
14	PHÒNG Y TẾ	688	-	-	-	-	-	-	-	-	100	-	588	-
15	ỦY BAN MẬT TRẦN TÒ QUỐC	1.713	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.713	-
16	HUYỆN ĐOÀN	997	-	-	-	300	-	-	-	-	-	-	697	-
17	HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ	1.483	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.483	-
18	HỘI NÔNG DÂN	850	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	850	-
19	NHÀ THIẾU NHI	490	-	-	-	200	-	-	-	-	-	-	290	-
20	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN	30.661	-	-	30.661	-	-	-	-	-	-	-	-	-
21	TRUNG TÂM VĂN HÓA THỂ THAO DL	7.117	-	-	-	2.326	390	100	-	-	-	-	4.301	-
22	BỘL CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	27.084	-	-	-	-	-	-	-	27.084	-	-	-	-
23	BỘL CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (sự nghiệp môi trường)	106.024	-	-	-	-	-	-	106.024	-	-	-	-	-
24	BỘL CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (nâng cấp đô thị)	36.564	-	-	-	-	-	-	-	36.564	-	-	-	-
25	BỘL CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (sự nghiệp thị chính)	7.550	-	-	-	-	-	-	-	7.550	-	-	-	-
26	BỘL CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (duy trì chăm sóc cây xanh)	46.494	-	-	-	-	-	-	-	46.494	-	-	-	-
27	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC (KHỎI TRƯỜNG)	190.206	190.206	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
28	TRUNG TÂM GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIÁO DỤC - ĐẠO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC TIỂU THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI QUỐC PHÒNG AN NINH	CHI KHÁC NGÂN SÁCH	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
29	TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP- GIÁO DỤC ĐẠO TẠO	2.084	2.084	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
30	TRUNG TÂM DV& CHUYÊN GIAO KTN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31	ĐỘI KIỂM TRA TRẬT TỰ ĐÔ THỊ	2.935	-	-	-	-	-	-	-	2.935	-	-	-	-
32	TRẠM PHÁT ĐIỆN THỎ CHÁU	8.000	-	-	-	-	-	-	-	8.000	-	-	-	-
33	BAN AN TOÀN GIAO THÔNG	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
34	ĐỘI QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG SỐ 4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
35	BCH QUÂN SỰ HUYỆN	913	-	-	-	-	-	-	-	-	913	-	-	-
36	CÔNG AN HUYỆN	959	-	-	-	-	-	-	-	-	959	-	-	-
37	KHO BẠC NHÀ NƯỚC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
38	TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PQ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
39	VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HUYỆN PQ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
40	THI HÀNH ÁN PHÚ QUỐC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
41	ĐỘI CẢNH SÁT ĐẶC NHIỆM SỐ 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
42	CẢNH SÁT BIẾN 4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

TRONG ĐÓ														
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DÂY NGHE	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI QUỐC PHÒNG AN NINH	CHI KHÁC NGÂN SÁCH	CHI HOẠT ĐỘNG CỨU CỨU QUÂN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO DÂM XÃ HỘI
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
43	LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG HUYỆN PQ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
44	NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI PQ	9.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.000	-
45	BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN PQ (BẢO HIỂM Y TẾ XÃ ĐẢO)	111.655	-	-	-	-	-	-	-	111.655	-	-	-	-
46	BỘ LƯU AN HUYỆN (KINH PHÍ QUÝ HOẠCH)	6.000	-	-	-	-	-	-	-	6.000	-	-	-	-
47	CHI NGUỒN DỰ PHÒNG	10.151	-	-	-	-	-	-	-	10.151	-	-	-	-
48	MUA SẴM SỬA CHỮA	25.000	-	-	-	-	-	-	-	25.000	-	-	-	-
49	QUẢN LÝ CHUNG VÀ TIẾT KIỆM CHI 10%	121.340	11.536	-	17.338	3.653	532	285	53.872	18.334	1.668	9.500	3.762	860



Biểu số 77/CK-NSNN
(TT 343/2016/TT-BTC)

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Báo cáo số 587

/BC-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Phú Quốc)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp				Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung từ ngân sách cấp xã	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra						
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	
	TỔNG SỐ	682.389	20.815	6.815	14.000	36.207	10.354	-		67.376
1	TT Dương Đông	347.700	9.166	2.217	6.949	-	63	-		9.229
2	TT An Thới	76.095	2.969	1.395	1.574	3.241	931	-		7.141
3	Xã Hàm Ninh	12.219	550	288	262	4.680	747	-		5.977
4	Xã Dương Tơ	174.963	4.805	1.128	3.677	-	1.489	-		6.294
5	Xã Cửa Cạn	5.370	434	305	129	4.782	732	-		5.948
6	Xã Cửa Dương	44.230	1.687	740	947	4.179	869	-		6.735
7	Xã Bãi Thơm	2.626	122	52	70	5.821	-	-		5.943
8	Xã Thổ Châu	606	124	111	13	7.517	-	-		7.641
9	Xã Gành Dầu	18.170	933	565	368	-	5.522	-		6.455
10	Xã Hòn Thơm	410	26	14	12	5.987	-	-		6.013



Biểu số 78/CK-NSNN
(TT 343/2016/TT-BTC)

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2021**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Báo cáo số 587 /BC-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện PQ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1	2	3	4
	TỔNG SỐ	2.270	-	2.270	-
1	Dương Đông	342		342	
2	An Thới	242		242	
3	Hàm Ninh	152		152	
4	Dương Tơ	162		162	
5	Cửa Cạn	152		152	
6	Cửa Dương	202		202	
7	Bãi Thơm	147		147	
8	Thỏ Châu	197		197	
9	Gành Dầu	172		172	
10	Hòn Thơm	502		502	



DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Dựa trên trình Hội đồng nhân dân)
(Kèm theo Báo cáo số 587/HĐ-NBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Phú Quốc)

Biểu số 80/CN-NSNN
(TT 343/2016/TT-BTC)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2020				Lấy kế vốn đã trả đến 31/12/2020				Kế hoạch vốn năm 2021			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
							Ngân sách cấp TW	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngân sách cấp TW	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngân sách cấp TW	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngân sách cấp TW	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG CỘNG (A+B)					6.693.032	-	395.263	6.297.769	1.660.604	-	-	1.660.604	1.660.604	-	-	1.660.604	1.585.329	-	57.939	1.527.390
A	NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH (H+I)					395.263	-	395.263	-	-	-	-	-	-	-	-	-	57.939	-	57.939	-
I	NGUỒN CÁN ĐỘI NGÂN SÁCH					235.001	-	235.001	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.804	-	15.804	-
	NGÀNH GIÁO DỤC					53.095	-	53.095	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.274	-	1.274	-
1	Trường TH An Thới 2 - Diêm Ap 6 (XDM 06 phông)	PQ			9863; 27/10/2017	4.198		4.198		-				-				129		129	
2	Trường TH Dương Đông 3 - Diêm chính (XDM 12 phông)	PQ			9563; 10/10/2017	7.374		7.374		-				-				109		109	
3	Trường TH An Thới 3 - Diêm Bãi Xếp (XDM 08 phông)	PQ			8997; 05/10/2017	5.379		5.379		-				-				65		65	
4	Trường TH An Thới 1 - Diêm chính (XDM 12 phông)	PQ			3210/05/07/2016	7.277		7.277		-				-				422		422	
5	Sun chĩa các điểm trường năm 2017 (vốn null)	PQ			2697; 20/03/2017	2.067		2.067		-				-				199		199	
6	Trường TH An Thới 2 (Diêm áp 6)	PQ				4.620		4.620		-				-				50		50	
7	Trường PTCs Cua Can (Diêm THCS)					7.120		7.120		-				-				100		100	
8	Trường PTCs Cua Can (Diêm chính) - 2021	PQ				11.060		11.060		-				-				150		150	
9	Sun chĩa các điểm trường năm 2021	PQ				4.000		4.000		-				-				50		50	
	NGÀNH GIAO THÔNG, THỦY LỢI					176.121	-	176.121	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12.092	-	12.092	-
1	Dương nhai số 3 - khu vực Bãi Trường	PQ			OR 21/10/2011	176.121		176.121		-				-				12.092		12.092	
	NGÀNH KHÁC					5.785	-	5.785	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.438	-	2.438	-
1	Máy phát điện và bộ hòa đồng các máy phát xã Thới Châu, huyện Phú Quốc	PQ			2079; 13/5/2020	2.875		2.875		-				-				38		38	
2	Sun chĩa nhà làm việc Huyện Ủy Phú Quốc	PQ			6301; 16/11/2020	2.910		2.910		-				-				2.400		2.400	
II	NGUỒN NÓ KIẾN THIẾT					160.262	-	160.262	-	-	-	-	-	-	-	-	-	42.135	-	42.135	-
	NGÀNH Y TẾ					17.262	-	17.262	-	-	-	-	-	-	-	-	-	217	-	217	-
1	Trạm y tế xã Cua Can				1663; 08/07/2008	2.290		2.290		-				-				17		17	
2	Nâng cấp, cải tạo, sun chĩa trung tâm y tế huyện Phú Quốc					14.972		14.972		-				-				200		200	
	NGÀNH GIAO THÔNG, THỦY LỢI					143.000	-	143.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	41.918	-	41.918	-
1	Dương nhai số 3 - khu vực Bãi Trường	PQ				143.000		143.000		-				-				41.918		41.918	

STT	Đanh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quỹ định đầu tư												Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2020	Lấy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2020												Kế hoạch vốn năm 2021					
					Số Quyết định, nghị, thông, văn ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	Chia theo nguồn vốn				Tổng số		Chia theo nguồn vốn				Tổng số	Chia theo nguồn vốn												
							Ngân sách cấp TV	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Tổng số		Ngân sách cấp TV	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Tổng số			Ngân sách cấp TV	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Tổng số		Ngân sách cấp TV	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện										
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20														
17	Lái gách và hồ đường Trần Hưng Đạo	PQ	1,55 km	2019-2021	4602 24/10/2019	77.336			77.336	47.184			47.184	47.184			47.184	12.000			12.000														
18	ĐTVĐ cơ sở hạ tầng khu tái định cư Suối Lớn 73ha	PQ	73,66ha	2007-2022	97 22/01/2007	300.000			300.000	193.442			193.442	193.442			193.442	25.000			25.000														
19	Kho quân khu thuộc bộ tư lệnh vùng 5 hai	PQ	115,96 m2	2019-2020	4664 30/10/2018	59.771			59.771	26.965			26.965	26.965			26.965	32.760			32.760														
20	Năng cấp hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng tuyến đường từ ngã ba	PQ	5 km	2021 - 2023		47.000			47.000	405			405	405			405	25.000			25.000														
21	Danh mục chưa phân bổ (tư công trình)	PQ				398.523			398.523	2.537			2.537	2.537			2.537	139.500			139.500														
22	Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ ngã ba Suối Mây đến ngã ba sân bay Dương Từ	PQ	34.200 m2	2021 - 2023		79.015			79.015	-			-	-			-	400			400														
23	Lập địa điểm chiếu sáng tuyến đường ấp 2 Cua Cua đến ngã ba Dương Đăng - Bải	PQ				13.217			13.217	-			-	-			-	50			50														
24	Khu Tái định cư khu vực Đồng Cày Sáo - Khu I (490ha)	PQ	49 ha	2021 - 2025		679.898			679.898	-			-	-			-	50			50														
III	NGÂN KHUẾ					845.987	-	-	845.987	14.259	-	-	14.259	14.259	-	-	14.259	21.436	-	-	21.436														
1	XDM Hòa trường (UBND xã Cua Cua)	PQ		2021 - 2023		1.992			1.992	-			-	-			-	1.992			1.992														
2	Danh mục chưa phân bổ (tư công trình)	PQ				6.530			6.530	159			159	159			159	5.300			5.300														
3	Khu trung tâm hành chính Phủ Quốc	PQ				765.000			765.000	-			-	-			-	3.500			3.500														
4	Chợ mới An Thới	PQ	4.438 m2	2021 - 2023		23.500			23.500	-			-	-			-	200			200														
15	XDM Đoàn hiệp phong	PQ		2021 - 2023		3.000			3.000	-			-	-			-	100			100														
16	Cải tạo sân chùa các chùa tại trấn An Thới	PQ		2021 - 2023		7.000			7.000	-			-	-			-	150			150														
7	Năng cấp mở rộng chợ Tân Ninh	PQ		2021 - 2023		6.500			6.500	-			-	-			-	150			150														
8	Tổng mới xây cảnh năm 2019 (TĐC 10.2ha, TĐC Khu phố 5, TĐC Gành Dầu)	PQ	18.037 m2	2019-2020	4374 29/10/2018	18.546			18.546	7.800			7.800	7.800			7.800	5.000			5.000														
9	XDM Nhà xưởng, nhà kho	PQ	2.972 m2	2019-2021	4337 04/10/2019	4.000			4.000	1.700			1.700	1.700			1.700	1.794			1.794														
10	HC (t) quân sự thị trấn Dương Đăng	PQ	168 m2	2020-2021	3096 30/10/2019	1.919			1.919	1.000			1.000	1.000			1.000	350			350														
11	Trung tâm hành chính xã Cua Dương	PQ	966 m2	2020-2021	8055 29/10/2019	8.000			8.000	3.600			3.600	3.600			3.600	2.900			2.900														
IV	GIAI THIỆU GIẢI CƯ TIỀN BỞI THUỐC CỦA CÁC DUY AN									-			-	-			-	600.000			600.000														
V	Chi phí hương giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn huyện									-			-	-			-	462.990			462.990														